

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước  
của Công ty TNHH Long Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 173/GP-UBND ngày 28/4/2017 và số 166/GP-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (điều chỉnh lần 1);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 666/TTr-STNMT ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Long Sơn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Long Sơn, theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 173/GP-UBND ngày 28/4/2017 và số 166/GP-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Long Sơn; địa chỉ: Đường Voi Phục, phường Trung Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 02 giếng khai thác nước dưới đất nằm trong khu đất của đơn vị tại xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ nhu cầu ăn uống, sinh hoạt và các hoạt động sản xuất Nhà máy xi măng Long Sơn;

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

-  $G_1 = 70.000$  đồng/m<sup>3</sup> (nước dưới đất dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

-  $G_2 = 5.000 \text{ đồng/m}^3$  (đối với nước dưới đất dùng cho làm mát, tạo hơi, vệ sinh công nghiệp);

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

*\* Theo giấy phép số 173/GP-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh:*

- Sản lượng dùng cho sinh hoạt:

$$W_1 = 787 \text{ ngày} \times 80 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} \times 365/365 \text{ ngày} = 62.960 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho vệ sinh công nghiệp:

$$W_2 = 787 \text{ ngày} \times 240 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} \times 365/365 \text{ ngày} = 188.880 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho làm mát, tạo hơi:

$$W_3 = 787 \text{ ngày} \times 2.580 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} \times 365/365 \text{ ngày} = 2.030.460 \text{ m}^3$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 27/10/2019 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 173/GP-UBND) là 787 ngày.

*\* Theo giấy phép số 166/GP-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh:*

- Sản lượng dùng cho sinh hoạt:

$$W_4 = 2.737 \text{ ngày} \times 40 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} \times 180/365 \text{ ngày} = 53.990 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho vệ sinh công nghiệp:

$$W_5 = 2.737 \text{ ngày} \times 120 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} \times 180/365 \text{ ngày} = 161.970 \text{ m}^3.$$

- Sản lượng dùng cho làm mát, tạo hơi:

$$W_6 = 2.737 \text{ ngày} \times 1040 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm} \times 180/365 \text{ ngày} = 1.403.744 \text{ m}^3$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 28/10/2019 đến hết ngày 27/4/2027 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 166/GP-UBND), chế độ khai thác 180/365 ngày.

6. Hệ số điều chỉnh:  $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$ ;

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

-  $M_1 = 1,5 \%$  (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

-  $M_2 = 0,2 \%$  (Mức thu khai thác nước dùng cho làm mát, tạo hơi);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

*\* Theo giấy phép số 173/GP-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh:*

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước nộp cho mục đích sinh hoạt:

$$T_1 = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 62.960 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 92.551.200 \text{ đồng};$$

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho mục đích vệ sinh công nghiệp:

$T_2 = W_2 \times G_2 \times K \times M_1 = 188.880 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 19.832.400 \text{ đồng};$

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho mục đích tạo hơi, làm mát:

$T_3 = W_3 \times G_2 \times K \times M_2 = 2.030.460 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\% = 28.426.440 \text{ đồng};$

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo giấy phép số 173/GP-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh:

$T' = T_1 + T_2 + T_3 = 140.810.040 \text{ đồng}.$

\* Số tiền phải nộp theo giấy phép số 166/GP-UBND ngày 28/10/2019:

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước nộp cho mục đích sinh hoạt:

$T_4 = W_4 \times G_1 \times K \times M_1 = 53.990 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 79.365.300 \text{ đồng};$

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho mục đích vệ sinh công nghiệp:

$T_5 = W_5 \times G_2 \times K \times M_1 = 161.970 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 17.006.850 \text{ đồng};$

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho mục đích tạo hơi, làm mát:

$T_6 = W_6 \times G_2 \times K \times M_2 = 1.403.744 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\% = 19.652.416 \text{ đồng};$

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo giấy phép số 166/GP-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh:

$T'' = T_4 + T_5 + T_6 = 116.024.566 \text{ đồng}.$

\* Tổng số tiền cấp quyền khai thác nước đơn vị phải nộp là:

$T = T' + T'' = 140.810.040 \text{ đồng} + 116.024.566 \text{ đồng} = 256.834.606 \text{ đồng}.$

*(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm linh sáu đồng).*

9. Phương án nộp tiền: Nộp hàng năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền nộp năm 2020 (=2017+2018+2019+2020): 159.038.040 đồng;

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2021-2026): 15.473.000 đồng;

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng 2027 (tính đến hết ngày 27/4/2027): 4.958.566 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH Long Sơn liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15 tháng 12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm :

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH Long Sơn về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2020 chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty TNHH Long Sơn; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH Long Sơn có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH Long Sơn gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Công ty TNHH Long Sơn phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND thị xã Bim Sơn; UBND phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn; Chủ tịch UBND phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Long Sơn; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
  - Trung tâm hành chính công tỉnh;
  - Lưu: VT, NN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-203

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thi**